TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC-VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 30 - 9 - 2025.
V/v ly hôn giữa anh B và chị X.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Phụng.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Lê Quang B, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 19, đường P, Khóm B, phường H, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Chị Trần Thị Ngọc X, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số nhà 19, đường P, Khóm B, phường H, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11 tháng 6 năm 2025 nguyên đơn anh Lê Quang B trình bày: Anh và chị Trần Thị Ngọc X kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn. Chung sống với nhau đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không còn tiếng nói chung, sống không hòa hợp và đã sống ly thân nên anh B xin ly hôn với chị Trần Thị Ngọc X.

- Về con chung: Anh và chị X sông với nhau có hai người con chung tên Lê Bảo A, sinh ngày 30/7/2011 và Lê Bảo N, sinh ngày 18/10/2018. Khi ly hôn yêu cầu nuôi dưỡng cháu Bảo A, để vợ nuôi cháu Bảo N, không yêu cầu cấp dưỡng

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị Trần Thị Ngọc X đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Quang B và chị Trần Thị Ngọc X kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên anh B có đơn yêu cầu xin được ly hôn với chị X, chị X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường H, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, chị X đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do anh B cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện anh B và chị X có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 3 năm 2011. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc anh B và chị X sống ly thân, chị X được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Chị không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc anh B yêu cầu được ly hôn với chị X là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh B và chị X chung sống với nhau có 02 người con chung tên Lê Bảo A, sinh ngày 30/7/2011 và Lê Bảo N, sinh ngày 18/10/2018, khi ly hôn anh B yêu cầu được nuôi cháu Bảo A, yêu cầu chị X nuôi cháu Bảo N, không phải cấp dưỡng cho nhau.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Bảo A là do anh B nuôi dưỡng, cháu Bảo N là do chị X nuôi dưỡng và tại bản khai ngày 15/8/2025, cháu Bảo A có nguyện vọng sống với anh B. Nhằm tạo sự ổn định cho các cháu, xét yêu cầu của anh B về việc nuôi cháu Bảo A, để chị X nuôi cháu Bảo N là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, nên anh B phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Quang B ly hôn chị Trần Thị Ngọc X.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Lê Bảo A, sinh ngày 30/7/2011 cho anh Lê Quang B nuôi dưỡng; giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 18/10/2018 cho chị Trần Thị Ngọc X nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh B và chị X, nhưng nếu anh B hoặc chị X lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh B hoặc chị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh B hoặc chị X.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc anh Lê Quang B nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng*) anh B đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh, theo biên lai thu tiền số 0000046 ngày 11/7/2025, anh B đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV-Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS có thẩm quyền;
- UBND phường P, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.